TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG NGUYÊN
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 21/2017/HS-ST
Ngày: 31/8/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đường;

Bà Cao Việt Thương.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Lê Hữu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2017/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Văn N, tên gọi khác: không; sinh ngày: 06 tháng 12 năm 1995, tại xã Hưng Long, huyện H, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký HKTT: Xã L, huyện H, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xã L, huyện H, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T, sinh năm: 1972 và bà: Phạm Thị M, sinh năm: 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án:

- Ngày 03/9/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". (Bản án số 195/2014/HSST)

- Ngày 03/4/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội: "Che dấu tội phạm". Tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 195/2014/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một. Bị

cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 03 năm 03 tháng tù giam. Ngày 05/6/2016 Lê Văn N đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2017 đến ngày 18/5/2017 bị tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại*:

1, Anh Lê Văn H. Sinh năm 1990;

2, Chị Nguyễn Thị Hoài P. Sinh năm: 1993;

Cùng cư trú tại: Xã L, huyện H, tỉnh Nghệ An.

(Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để thực hiện ý định trộm cắp tài sản, ngày 01/5/2017 Lê Văn N đi xuống chợ Vinh mua một thanh xà cạy bằng kim loại để làm dụng cụ phá khóa. Đến khoảng 23 giờ ngày 02/5/2017, biết vợ chồng anh Lê Văn H (Trú tại xóm 7B, xã L, huyện H, Nghệ An) đã về nhà ngủ không có mặt tại kiốt điện thoại di động của họ tại xã X, huyện H, tỉnh Nghệ An. N gọi điện cho bạn tên là Hoàng Nghĩa T (Trú tại xã L, huyện H, tỉnh Nghệ An) và hỏi T: *"mi ở mô đó? có xe không? chở tau xuống nhà bạn ở Hưng Xá tý"*. Lúc này T đang điều khiển xe mô tô chở Hoàng Nghĩa G trên đường từ Vinh về đến đầu xã L, huyện H. T hỏi N: *"mi ở mô"*. N trả lời: *"tau đang ở nhà văn hóa xóm 7B"*. T nói: *"mi ra ngoài đê đi tau chở"*. Gọi điện cho T xong, N cầm thanh xà cạy (dấu trong ống tay áo) đi bộ ra đường du lịch ven Sông Lam (thuộc xã L, huyện H, Nghệ An) đứng đợi. Khi T và G đến N nói: *"chở tau xuống Hưng Xá lấy quần áo mai đi làm ở Hà Tĩnh cái"*, T đồng ý. N lên xe ngồi phía sau cùng. T điều khiển xe. Cả ba đi xuống đến gần ngã 4, chợ Vực Hưng Xá thì N nói T dừng xe. Khi xe dừng, N xuống xe và nói: *"bay chờ tau tý, tau lại ốt ông anh lấy mấy bộ đồ rồi ra ta về"*. T và G đồng ý đứng chờ. N đi bộ đến Kiốt ***"Quang H"*** của anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Hoài P. Thấy trong Kiốt không có ánh đèn điện, cửa ốt khóa bằng 02 ổ khóa ngoài. Quan sát xung quanh thấy không có người. N dùng thanh xà cạy phá 02 ổ khóa và đi vào trong Kiốt đóng cửa ốt lại, rồi đi vào bên trong chiếc tủ kính, dùng tay sờ trong tủ kính thấy một điện thoại. N đã lấy chiếc điện thoại đó bật đèn để tìm kiếm tài sản. Khi tìm ở ngăn thứ 02 của tủ kính thấy có 02 USB 3G và nhiều điện thoại di động các loại nên N đã lấy một túi Pôtylen màu đen bỏ toàn bộ điện thoại di động và 02 USB 3G vào bao

Pôtylen. Tiếp tục tìm kiếm ngăn bên phải của ngăn tủ thứ hai *(*hướng nhìn từ trong kiốt ra ngoài) N phát hiện còn có một hộp nhựa nhỏ và một hộp tôn kích thước khoảng (10x15x25) cm. Kiểm tra trong hộp nhựa thấy có nhiều sim, thẻ điện thoại. Kiểm tra trong hộp tôn phát hiện có một số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam nên N vội vàng lấy toàn bộ sim, thẻ điện thoại bỏ vào hộp tôn rồi bỏ hộp tôn vào bao Pôtylen. Sau đó, N tiếp tục tìm kiếm tài sản thì thấy có 02 chiếc điện thoại (một cái màu đen, một cái màu trắng) để ở trên máy tính đặt trên một chiếc bàn phía Nam Kiôt. N tiếp tục lấy 02 chiếc điện thoại đó bỏ vào bao Pôtylen. Xong xuôi N lấy 02 ổ khóa bỏ vào túi quần, rồi đóng cửa Kiốt, cầm thanh xà cạy và bao Pôtylen đựng tài sản đi đến chỗ T và G đang chờ để T chở về. Khi cả 03 về đến khu vực có lối vào xã L, huyện H thì N xuống xe, đi bộ đến một hồ nước gần đó vứt xà cạy và 02 ổ khóa xuống hồ, rồi cầm bao Pôtylen màu đen đựng tài sản dấu ở bụi cây gần nhà văn hóa xã L, huyện H và đi về nhà bạn ở gần đó ngủ. Đến khoảng 15 giờ ngày 03/5/2017, N đi ra bụi cây gần nhà văn hóa lấy số tài sản trộm được đi về nhà. Khi về nhà N mở bao Pôtylen ra kiểm tra số tài sản trộm được gồm có: 31 điện thoại di động các loại; 02 USB 3G một cái màu đen, một cái màu trắng. Kiểm tra trong hộp tôn có: 07 sim điện thoại Viettel; một cục tiền có nhiều mệnh giá N đếm được 1.900.000đ *(một triệu chín trăm nghìn đồng)*; 01 cục thẻ điện thoại của nhiều nhà mạng Viettel, Mobiphone, Vinaphone có nhiều mệnh giá 20.000đ, 50.000đ, 100.000đ. Tổng trị giá của các loại thẻ là 4.500.000 đồng *(bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*. Trong đó: thẻ điện thoại Viettel có tổng số tiền là 1.500.000đ; Thẻ điện thoại Mobiphone có tổng số tiền là 1.500.000đ*;* Thẻ điện thoại Vinaphone có tổng số tiền là 1.500.000đ*;* 02 nhẫn vàng 18K (dạng nhẫn cưới); 01 sổ khám bệnh; 02 giấy phép lái xe. Kiểm tra xong N lấy một điện thoại Nokia 1280 màu đen để sử dụng, lấy toàn bộ thẻ điện thoại, 02 chỉ vàng và 1.900.000đ bỏ vào túi quần N đang mặc, còn sổ khám bệnh và 02 giấy phép lái xe N đã đốt, số tài sản còn lại N để nguyên trong túi bóng bỏ ở gác chuồng gà sau nhà ở của gia đình mình. Riêng hộp tôn tối ngày 03/5/2017 N đã đem đi vứt nhưng N không nhớ đã vứt ở đâu.

Ngày 05/5/2017, N mang 02 nhẫn vàng đi bán ở thành phố Vinh được 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 07/5/2017, N bán toàn bộ số thẻ điện thoại cho chị Trương Thị Khánh L (Trú tại: phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An) được 3.708.000đ (ba triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng). Tất cả số tiền nói trên N đã tiêu xài hết.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được ngày 09/5/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện H, tỉnh Nghệ An đã ra lệnh bắt, khám xét khẩn cấp đối với Lê Văn N và tiến hành thu giữ tại chuồng gà của gia đình N 31điện thoại di động

các loại, 07 sim điện thoại Viettel, 02 USB 3G.

Tại bản kết luận số 15/KLĐG-TTHS ngày 17/5/2017 của Hội đồng định giá huyện H kết luận tổng giá trị tài sản của 31 *(ba mươi mốt)* điện thoại các loại, 07 *(bảy)* sim điện thoại Viettel, 02 *(hai)* USB Viettel 3G bị công an thu giữ tại thời điểm bị chiếm đoạt là 16.012.000đ *(Mười sáu triệu, không trăm mươi hai nghìn đồng)*. Cụ thể:

- 31 chiếc điện thoại di đồng có tổng giá trị là 15.312.000đ bao gồm: 02 ĐTDĐ nhãn hiệu VERTU, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VERTU -V9, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VERTU-K7, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu MASSTEL-A10A, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA-A1, 02 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA-1280, 02 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA-1202, 03 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA: C2-00, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA - 2730C, 03 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA-2322C, 02 ĐTDĐ nhãn hiệu ZONO - N202, 02 ĐTDĐ nhãn hiệu MASSTEL - A103, 02 ĐTDĐ nhãn hiệu MASSTEL - A180, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Mobile -LV COOL, 02 ĐTDĐ nhãn hiệu VIETTEL - V6314, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA – 105, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA - RM1035, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu LENOVO, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu XPHONE - X6216C, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA – 6700.

- 07(bảy) sim điện thoại Viettel. Có giá là 30.000 đồng x 7= 210.000đồng.

- 02 USB Viettel 3G, Có giá là 350.000 đ x 2x 70%= 490.000 đồng.

Tại bản kết luận số: 27/KLĐG-TTHS ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận: Giá trị tài sản 02 chiếc nhẫn vàng là 3.991.950*đ (ba triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm năm mươi đồng)*.

Tổng giá trị tài sản mà Lê Văn N đã chiếm đoạt được của gia đình anh Lê Văn H là 26.403.950đ *(hai mươi sáu triệu bốn trăm L ba nghìn chín trăm năm mươi đồng)*.

Về vật chứng:

- 31 điện thoại di động các loại; 02 USB 3G; 07 sim điện thoại Viettel. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sử hữu.

- Đối với số thẻ điện thoại N đã bán cho chị L, sau đó chị L đã bán hết cho khách nên không truy thu được.

- Đối với 02 ổ khóa và thanh xà cạy cơ quan CSĐT Công an huyện H, tỉnh Nghệ An đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Hoài P yêu

cầu N bồi thường số tiền 13.370.000đ. Bao gồm 02 nhẫn vàng có trị giá là 6.970.000đ, thẻ điện thoại các loại của nhiều nhà mạng có trị giá là 4.500.000đ và 1.900.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn N đã khai nhận hành vi mà bị cáo thực hiện vào tối ngày 02/5/2017 như đã nêu trên và thừa nhận: Do biết được ki ốt điện thoại "Quang H" ở xã X, huyện H có nhiều tài sản là điện thoại và thẻ điện thoại. Biết vợ chồng anh H, chị P tối về nhà ngủ, ốt không có ai trông coi nên tối ngày 02/5/2017 bị cáo đã mang theo thanh xà cạy bằng kim loại đến kiốt phá khóa ốt và lấy trộm 31 điện thoại di động các loại, 02 USB 3G, 07 sim điện thoại Viettel, 01 cục thẻ điện thoại của nhiều nhà mạng có giá trị 4.500.000đ, 02 nhẫn vàng 18K, 01 sổ khám bệnh; 02 giấy phép lái xe và 1.900.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cáo trạng số 23/VKS-HS ngày 26/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Lê Văn N về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 18 đến 24 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Hoài P số tiền 10.391.000đ.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về chứng cứ xác định tội danh*: Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai tại phiên tòa và lời khai trong quá trình điều tra của bị cáo là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám xét và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 02/5/2017, bị cáo Lê Văn N đã dùng thanh xà cạy bằng kim loại phá khóa ki ốt điện thoại của vợ chồng anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Hoài P lấy trộm 31 điện thoại di động các loại, 02 USB 3G, 07 sim điện thoại Viettel, 01 cục thẻ điện

thoại của nhiều nhà mạng có giá trị 4.500.000đ, 02 nhẫn vàng 18K, 01 sổ khám bệnh; 02 giấy phép lái xe và 1.900.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ vào bản kết luận số 15/KLĐG-TTHS ngày 17/5/2017 và bản kết luận số 27/KLĐG-TTHS ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá huyện Hưng Nguyên kết luận tổng giá trị tài sản của: 31 điện thoại các loại, 07 sim điện thoại Viettel, 02 USB Viettel 3G, 02 chiếc nhẫn vàng và cục thẻ điện thoại của nhiều nhà mạng là: 24.503.950đ.

Như vậy tổng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 24.503.950đ + 1.900.000đ = 26.403.950đ *(hai mươi sáu triệu bốn trăm linh ba nghìn chín trăm năm mươi đồng).* Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dânhuyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Đây là vụ án xâm phạm quyền sỡ hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sỡ hữu để chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Hoài P có tổng trị giá là 26.403.950đ. Bản thân bị cáo vào năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Năm 2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội: "Che dấu tội phạm". Do 02 hành vi phạm tội trên được phát hiện cùng một thời điểm và đều được khởi tố cùng một lần nhưng sau đó được tách ra để xử lý theo thẩm quyền nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Nên cần xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Một số tài sản gồm: 31 chiếc điện thoại di động các loại, 02 USB 3G và 07 sim điện thoại Viettel mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại đã được thu hồi và trả lại cho chủ sỡ hữu. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và bị cáo sẽ được áp dụng những tình tiết giảm nhẹ này khi lượng hình phạt. Nhưng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay mới đủ điều kiện giáo dục và cải tại bị cáo.

[3]. *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào bố mẹ và không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (là hình phạt tiền) đối với bị cáo.

Ngoài ra, trong vụ án còn có chị Trương Thị Khánh L, người đã mua số thẻ điện thoại do N trộm của bị hại, chị L không biết đó là tài sản do trộm được mà có, nên không có cơ sở để xử lý chị L về hình sự.

Đối với Hoàng Nghĩa T là người chở bị cáo vào tối ngày 02/5/2017. T không biết bị cáo đi trộm cắp tài sản nên không có cơ sở để xử lý T về hình sự.

[4]. *Về bồi thường thiệt hại*: Tại phiên tòa người bị hại là anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Hoài P yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền 10.391.000đ *(mười ba triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng)*. Cụ thể 02 nhẫn vàng có trị giá là 3.991.000đ, thẻ điện thoại Vinaphone, Mobiphone, Viettel có trị giá là 4.500.000đ và 1.900.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam**.** Bị cáo hoàn toàn đồng ý với yêu cầu bồi thường của người bị hại và chấp nhận bồi thường cho người bị hại số tiền là 10.391.000đ.

Xét thấy: Thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với kết luận định giá số: 27/KLĐG-TTHS ngày 29/6/2017 và đúng với thực tế. Nên được chấp nhận và cần buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền là 10.391.000đ.

Đối với 02 ổ khóa, 01 hộp tôn, 01 sổ khám bệnh và 02 giấy phép lái xe, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Tòa miễn xét.

[5]. *Về vật chứng, xử lý vật chứng*:

- 31 điện thoại di động các loại; 02 USB 3G; 07 sim điện thoại Viettel. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sử hữu là vợ chồng anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Hoài P. Nên Tòa miễn xét.

- Đối với 02 ổ khóa của bị hại đã bị phá hỏng và 01 hộp tôn bị cáo đã vứt nhưng không nhớ địa điểm vứt cơ quan CSĐT Công an huyện Hưng Nguyên,tỉnh Nghệ An đã truy tìm nhưng không có kết quả. Nên không có vật chứng để xử lý.

- Đối với thanh xà cạy là công cụ phạm tội, cơ quan CSĐT Công an huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đã truy tìm nhưng không có kết quả. Nên không có vật chứng để xử lý.

[6]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 18 (Mười tám) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 09/5/2017.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Lê Văn N phải bồi thường cho vợ chồng anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Hoài P (Nơi cư trú: Xã L, huyện H, tỉnh Nghệ An) số tiền là 10.391.000đ (Mười triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quối hội buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 519.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Cộng: 719.000đ (Bảy trăm mười chín nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo và 02 người bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSNDhuyện H;
- Công anhuyện H;
- Chi cục THADShuyện H;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- TAND tỉnh NA;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh